TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08/06/2023
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  Ông Trần Văn Nghi.
  Bà Trần Thị Lệ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 18/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST – HNGĐ ngày 9 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H – sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt..

- Bị đơn: Anh Cao Thành T – sinh năm 1984
Nơi ĐKHKTT và trú tại: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt..
Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Cao Thành T sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về làm ăn sinh sống tại xã L và chung sống hạnh phúc khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm lối sống. Bản thân chị đã cố nín nhịn và cố gắng khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng cùng nhau làm ăn và xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết

quả. Vợ chồng mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn, thường xuyên đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến an ninh thôn xóm nơi anh chị sinh sống . Do cuộc sống chung không hạnh phúc và cả hai không còn tình cảm với nhau nữa nên đã sống ly thân hơn một năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: Chị và anh T có một con chung cháu Cao Phước T1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Do nguyện vọng cháu muốn ở cùng với chị khi bố mẹ ly hôn nên nay ly hôn chị nhận nuôi cháu T1. Chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh T không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Cao Thành T hiện đang cư trú tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Cao Thành T và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T bản thân anh T cũng đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh, nhưng anh T không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Con chung của anh chị cháu Cao Phước T1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến của con khi bố mẹ ly hôn. Tại bản tự khai của cháu T1 nguyện vọng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H ly hôn anh Cao Thành T.
- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Cao Phước T1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Cao Thành T không phải cấp dưỡng đối với cháu T1, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.
- Án phí: Chị Trần Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Cao Thành T có nơi cư trú tại: Xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Cao Thành T, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Cao Thành T có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về làm ăn sinh sống tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi chửi nhau. Bản thân chị H đã cố gắng tìm các biện pháp để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị H và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, mỗi người một nơi và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện anh T không T1 trí trong việc giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L thể hiện: Chị H và anh T có Đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn và sinh sống tại xóm 10, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống với nhau thời gian đầu tương đối hạnh phúc không có xảy ra mâu thuẫn gì. Đến khoảng cuối năm 2021 thì hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau và ảnh hưởng đến hàng xóm láng giềng. Qua nắm bắt tại cơ sở nơi anh chị cư trú và gia đình thì anh chị H T mâu thuẫn nhau do bất đồng quan điểm lối sống và khoảng cuối năm 2021 cho đến nay thì anh chị không sống chung với nhau nữa mà mỗi người một nơi. Nay chị H xin ly hôn anh T Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhau một năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có một con chung cháu Cao Phước T1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015. Thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T1 do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu T1 và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu T1. Về phía anh T không có ý kiến gì về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án, cũng như không có ý kiến gì về việc nuôi con sau khi ly hôn. Cháu T1 qua nghe nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, mặt khác thời gian vợ chồng sống ly thân cháu T1 ở cùng với chị H và quyền lợi mọi mặt của cháu T1 cũng đã được đảm bảo. Nay để không làm ảnh hưởng đến môi trường sống sinh hoạt cũng như học tập của cháu nên giao cháu T1 cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T1 thành niên và tự lập được cuộc sống. Về vấn đề cấp dưỡng đối với con chung do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con là phù hợp với với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình và phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Cao Thành T (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung: Giao cháu Cao Phước T1 sinh ngày 20 tháng 4 năm 2015 cho chị Trần Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Anh Cao Thành T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004774 ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K
- UBND xã Đ, huyện L.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh